

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM VÀ CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2000 – 2010

Th.S. Nguyễn Kim Phước¹

TÓM TẮT

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một chỉ tiêu thường sử dụng để đánh giá tăng trưởng kinh tế của các quốc gia, là công cụ quan trọng và cũng là căn cứ để chính phủ các nước vạch ra mục tiêu chiến lược nhằm phát triển kinh tế và thực hiện các chính sách vĩ mô. GDP là công cụ phản ánh tình hình phát triển, thay đổi của nền kinh tế quốc dân. Trong khuôn khổ bài viết này, mục tiêu là cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam nói chung và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng – một khu vực kinh tế trọng điểm phía nam. GDP là một chỉ tiêu có thể tính theo giá thực tế và giá so sánh (1994), trong bài viết này chỉ sử dụng số liệu GDP theo giá thực tế để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế theo giá thực tế.

ABSTRACT

Gross domestic product (GDP) is commonly used as an indicator to measure the economic growth of the nations, an important tool and also a foundation for governments to map out strategic objectives aimed at economic development and implementation of macroeconomic policies. GDP is a tool to reflect the development status, change of the national economy. This framework seeks, the goal is to provide an overview of the economic increasing situation crawl in Vietnam in general and Dong Bang Song Cuu Long (Mekong Delta) in particular - a key economic sector the south of Viet Nam. This article lays an emphasis on the GDP data at current prices to gauge economic growth at current prices, since GDP is an indicator can be calculated at current prices and constant prices (1994).

1. Lời mở đầu

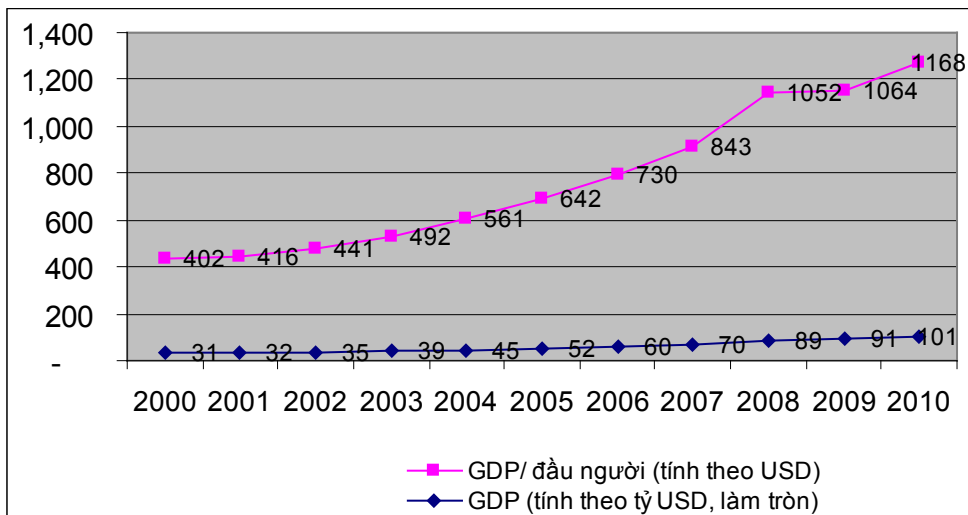
Tăng trưởng kinh tế luôn là mục tiêu và là mối quan tâm của các quốc gia. Theo Solow (1956), tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc dân (GNP) hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong một thời gian nhất định (thường là một năm). Do sự tác động của lạm phát nên thông thường chỉ tiêu GNP và GDP theo giá thực tế dùng để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế thực tế. Trong đó, chỉ tiêu GDP là một chỉ tiêu thường được sử dụng nhất để đánh giá tăng trưởng kinh tế của một quốc gia, một khu vực hay một địa phương trong một thời kỳ nhất định. Theo Nguyễn Trọng Hoài (2010), có nhiều cách tính GDP như tính GDP bằng phương pháp giá trị gia tăng,

bằng phương pháp chi tiêu, phương pháp thu nhập. Trong đó, phương pháp chi tiêu là thường được sử dụng để đo lường GDP. Tăng trưởng kinh tế có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia, là mối quan tâm nhiều nhất của chính phủ các nước bởi vì tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất để tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao thu nhập của người dân, xóa đói giảm nghèo, ... Do đó, nền kinh tế của mỗi quốc gia có tăng trưởng và phát triển hợp lý hay không thường dựa vào chỉ số GDP để nhận định. Bài viết này nhằm mục tiêu cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) trong giai đoạn 2000 – 2010 theo chỉ tiêu đánh giá là GDP.

¹Giảng viên khoa TCNH, trường Đại học Mở Tp.HCM

2. Tổng quan tình hình tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam giai đoạn từ năm 2000 – 2010

Hình 1: GDP và GDP/ đầu người (theo giá thực tế) ở Việt Nam

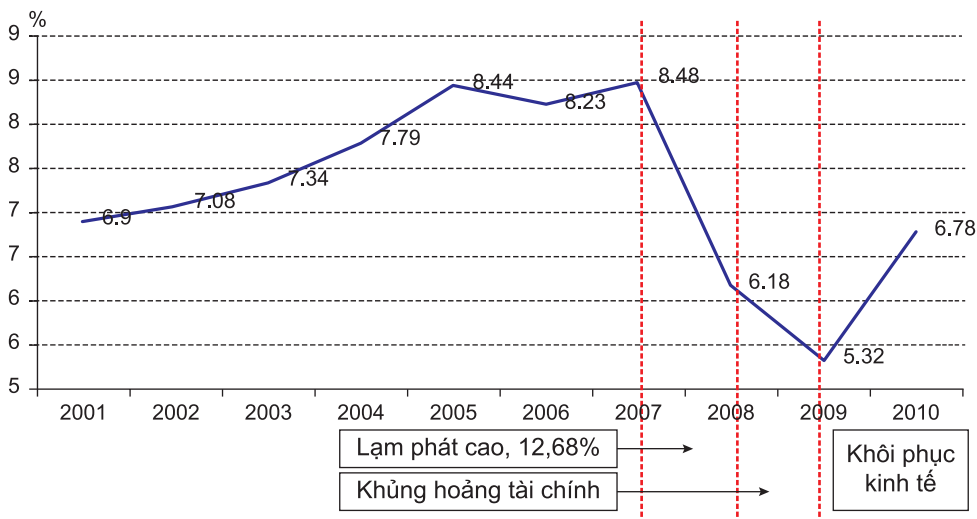


Nguồn: Tổng Cục thống kê Việt Nam (2011)

Ở Việt Nam, tình hình tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2000 – 2010 có mức tăng trưởng cao và ổn định. Mức tăng trưởng GDP năm sau luôn cao hơn năm trước. Vào năm 2000, GDP đạt mức 31 tỷ USD, nhưng trong vòng 10 năm con số này đã vượt lên gấp 3 lần đạt mức 101 tỷ USD. Trong tiến trình tăng trưởng GDP qua các năm đều tăng tuy mức tăng không nhanh nhưng vẫn đảm bảo có tăng. Nhìn vào hình 1 ta thấy, tỷ lệ GDP bình quân đầu người

qua các năm tăng, tăng đều từ giai đoạn 2000 đến 2005 nhưng từ 2005 đến 2010 thì mức tăng này cao dần. Đến cuối năm 2010, GDP bình quân đầu người ở Việt Nam là 1168/USD/người/năm (khoảng 20 triệu đồng/người/năm). Con số GDP bình quân đầu người cho thấy, thu nhập của người dân qua các năm đều tăng (năm sau cao hơn năm trước). Tuy nhiên, với mức thu nhập bình quân như vậy thì người dân vẫn chưa đạt mức sống cao.

Hình 2: Tỷ lệ tăng/giảm GDP ở Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010



Nguồn: Bùi Trường Giang, Phạm Sỹ An (2011)

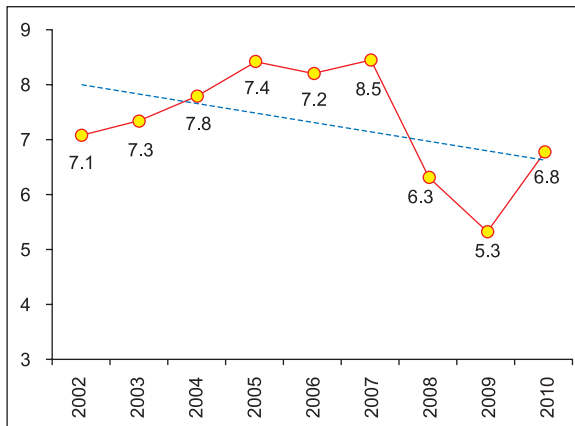
Tăng trưởng GDP của Việt Nam các từ năm 2000 đến 2007 đều đạt mức dương và năm sau cao hơn năm trước nhưng đến năm 2007 do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu nên GDP giảm từ 8,9% vào năm 2007 xuống còn 6,18% vào năm 2008 và tiếp tục giảm còn 5,32% vào năm 2009. Nhờ vào chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ thực hiện nhiều gói kích cầu, hỗ trợ lãi suất để phát triển kinh tế, giảm thuế cho các doanh nghiệp mà nền kinh tế có nhiều cho thấy sự tăng trưởng trở lại. Biểu hiện là GDP năm 2010 đạt mức 6,78%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP vào năm 2010 chưa đạt bằng mức năm 2001 nhưng đây là một dấu hiệu khả quan cho thấy nền kinh tế tăng trưởng tốt. Đồng thời, qua tình hình diễn biến trên thế giới có dấu hiệu khả quan, chính phủ các nước đã và đang thực hiện nhiều chính sách kinh tế vĩ mô để phục

hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhờ vào cả các yếu tố nội lực và ngoại lực đó, chúng ta có quyền tin tưởng rằng GDP của Việt Nam sẽ tăng trong các năm tiếp theo.

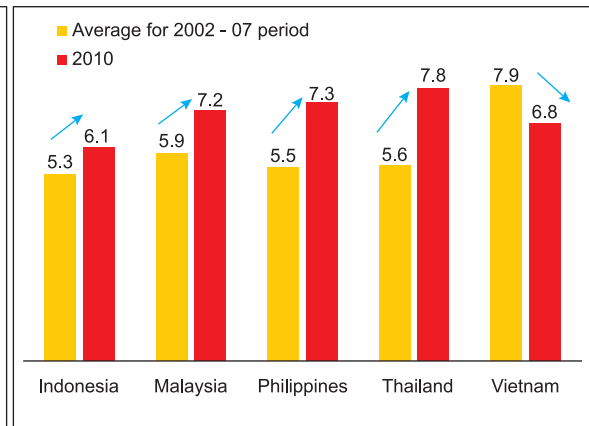
Tuy nhiên, khi so sánh tốc độ tăng trưởng GDP vào năm 2010 của Việt Nam và các nước trong khối ASEAN là Indonesia, Malaysia, Philippines và Thailand ta thấy từ năm 2002 đến năm 2007 tốc độ tăng trưởng GDP (bình quân) của Việt Nam luôn cao hơn các nước trong khối nhưng sang đến năm 2010 thì tốc độ tăng trưởng GDP giảm thấp hơn các Malaysia, Philippines và Thailand, Việt Nam chỉ cao hơn Indonesia. Do đó, nhìn vào hình 2 thì ta có thể lạc quan về tình hình kinh tế trong nước nhưng dựa vào số liệu ở hình 3 thì Việt Nam còn phải phấn đấu và thực hiện nhiều chính sách kinh tế tốt hơn để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng GDP trong thời gian tới.

Hình 3: So sánh GDP ở Việt Nam và bốn nước ASEAN

Trái: Tăng trưởng GDP của Việt Nam



Phải: Tăng trưởng của Việt Nam so với 4 nước ASEAN



Nguồn: Nguyễn Ngọc Sơn (2011)

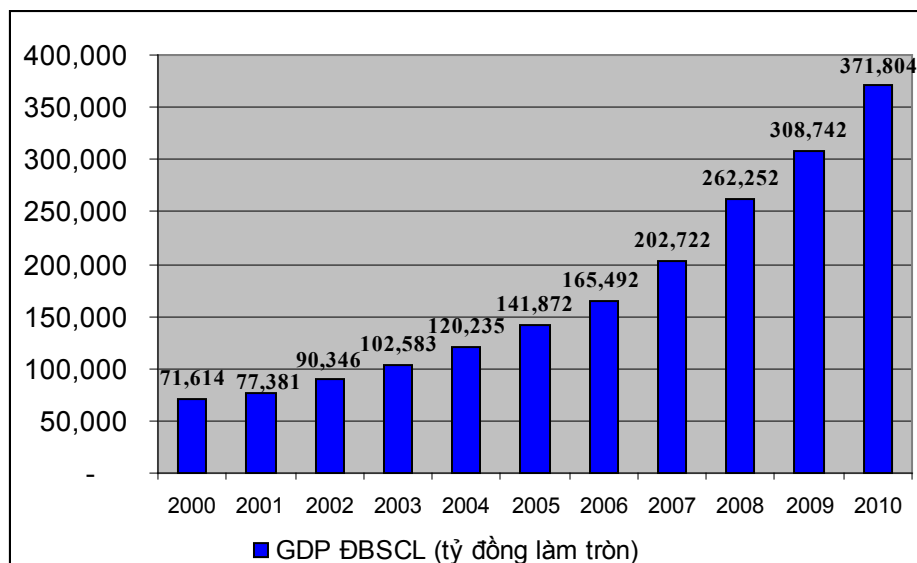
3. Tình hình tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long giai đoạn từ năm 2000 – 2010

Hình 4 cho thấy các tỉnh ĐBSCL vẫn nằm trong xu hướng chung của cả nước là có tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm đều tăng và tăng nhanh vào giai đoạn 2005 đến 2010. Mức GDP của các tỉnh ĐBSCL hơn 4 lần trong vòng 10 năm. Nếu như

năm 2000 GDP chỉ đạt mức 71,614 tỷ đồng/ năm thì đến năm 2010 con số này là 371,804 tỷ đồng/năm (tăng 246,190 tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực ĐBSCL là khá ấn tượng, mức tăng cao hơn bình quân cả nước. Điều này cho thấy khu vực kinh tế phía nam có tiềm năng tăng trưởng và phát triển trong tương lai. GDP của khu vực ĐBSCL tăng là một dấu

hiệu đáng mức chứng tỏ được chính sách mang lại sự tăng trưởng kinh tế cho khu phát triển kinh tế của khu vực này phù hợp vực nói riêng và cả nước nói chung.

Hình 4: GDP các tỉnh ĐBSCL tính theo giá thực tế giai đoạn 2000 - 2010



Nguồn: Tổng Cục Thống kê (2010)

GDP tăng giúp cho mức thu nhập của người dân số tại các tỉnh ĐBSCL tăng cao hơn. Cụ thể là từ năm 2005 đến 2010 (những năm có mức tăng trưởng GDP cao), thu nhập bình quân đầu người đã đạt đến mức 21,5 triệu đồng/năm (xem bảng 1)

nghĩa là thu nhập bình quân đạt 1.800.000 đồng/tháng. Mức thu nhập có thể đảm bảo được nhu cầu cơ bản của người dân trong khu vực nhưng so với mức nhu cầu chi tiêu thực tế thì chưa cao.

Bảng 1: GDP và GDP/ đầu người tại các tỉnh ĐBSCL tính theo giá thực tế

Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010
GDP (tỷ đồng làm tròn)	141,872	165,492	202,722	262,252	308,742	371,804
GDP /đầu người (triệu đồng)	8.40	9.74	11.87	15.31	17.94	21.50

Nguồn: Tổng Cục Thống kê (2010) và tính toán của tác giả

So mức thu nhập và giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trong giai đoạn này cho thấy, mức thu nhập có tăng nhưng đời sống người dân vẫn còn khó khăn vì mức thu nhập này chỉ đảm bảo nhu cầu cơ bản của đời sống. Đồng thời, GDP bình quân đầu người còn khá thấp so với các khu vực khác như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội,... Một lý do khác dẫn đến GDP bình quân đầu người ở 13 tỉnh thuộc khu vực

ĐBSCL thấp là do các tỉnh này có tỷ lệ hộ nghèo khá cao (bình quân khoảng 15%). Đây là một trọng điểm mà chính quyền địa phương cần chú ý. Bên cạnh việc đưa ra các chính sách kinh tế phù hợp để gia tăng mức tăng trưởng GDP hằng năm thì chính quyền địa phương cần thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo đến mức thấp nhất có thể có nhằm gia tăng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm.

Bảng 2: GDP tại các tỉnh ĐBSCL chi theo địa phương (tính theo giá thực tế)*DVT: Tỷ đồng/năm*

TT	Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Tp Cần Thơ	5,905	6,376	7,884	9,409	11,745	14,278	17,230	22,484	28,748	36,955	44,172
2	Hậu Giang	2,618	2,851	3,554	4,090	4,719	5,269	6,191	7,524	8,702	10,256	11,904
3	Long An	5,985	6,599	7,293	8,206	9,579	11,641	13,821	17,669	24,236	27,731	33,445
4	Tiền Giang	6,916	7,325	8,259	9,389	11,047	12,872	14,718	18,318	24,895	29,687	35,153
5	Bến Tre	5,417	5,861	6,449	7,191	8,342	9,941	11,059	12,542	17,046	18,671	21,819
6	Đồng Tháp	5,421	5,463	6,272	6,994	8,330	9,974	12,141	15,689	20,625	23,775	27,931
7	Vĩnh Long	4,322	4,602	5,153	5,619	6,752	8,216	9,508	11,880	15,838	17,915	21,867
8	Trà Vinh	4,184	4,517	5,146	5,642	6,136	6,532	7,593	8,982	9,398	11,142	19,088
9	An Giang	9,472	10,069	11,751	13,234	15,816	18,648	21,336	27,215	34,532	39,497	45,533
10	Kiên Giang	7,240	7,886	9,662	10,851	13,192	16,238	18,857	22,924	31,539	37,257	44,088
11	Sóc Trăng	5,034	5,444	6,600	7,420	7,897	9,266	10,709	13,754	15,589	20,478	27,072
12	Bạc Liêu	3,136	3,783	4,690	5,668	6,702	7,784	8,832	10,667	12,338	14,465	15,508
13	Cà Mau	5,963	6,605	7,632	8,871	9,980	11,214	13,495	13,074	18,765	20,914	24,224

Nguồn: Tổng Cục Thống kê (2010)

Mức gia tăng GDP hằng năm ở các tỉnh ĐBSCL cao hơn cả nước nhưng không phải toàn bộ 13 tỉnh đều có mức tăng như nhau. Trong 13 tỉnh thuộc khu vực, có các địa phương là: Tp. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Long An, tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang là năm địa phương có tốc độ tăng trưởng GDP nhanh qua các năm. Trong đó đứng đầu khu vực là tỉnh An Giang, xếp thứ nhì là Tp. Cần Thơ và đứng thứ ba là Kiên Giang (tính vào năm 2010 – xem

bảng 2). Tuy nhiên, nếu tính cả một giai đoạn từ năm 2000 đến 2010 thì Tp. Cần Thơ có tốc độ gia tăng nhanh hơn tỉnh An Giang bởi vì khởi điểm vào năm 2000 Tp. Cần Thơ có mức GDP là gần 6,000 tỷ đồng nhưng đến năm 2010 đạt mức hơn 44,000 tỷ, tăng hơn 7 lần. Tuy nhiên, tỉnh An Giang khởi điểm năm 2000 đạt mức GDP là hơn 9,000 tỷ nhưng đến năm 2010 chỉ đạt mức trên 45,000 tỷ đồng (tăng 5 lần), do đó mức tăng trưởng GDP tính về con số

tuyệt đối thì cao hơn Tp. Cần Thơ nhưng so về tốc độ tăng trưởng qua một giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010 thì tỉnh An Giang tăng trưởng thấp hơn Tp. Cần Thơ.

Ngoài năm tỉnh thành nói trên, các tỉnh khác vẫn đảm bảo tăng trưởng GDP qua các năm nhưng mức tăng đều và tỷ lệ gia tăng không cao. Các địa phương như: Đồng Tháp, Sóc Trăng và Cà Mau là những nơi có mức tăng gần bằng với tổng trên. Bảy địa phương còn lại có mức gia tăng GDP còn thấp. Tăng trưởng GDP thấp nhất trong 13 tỉnh thành trong khu

vực là tỉnh Hậu Giang, kế tiếp là tỉnh Bạc Liêu. Điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi vì hai tỉnh này mới vừa được chia tách ra trong những năm gần đây. Khu vực kinh tế trọng điểm của các địa phương cũ là tập trung vào các tỉnh khác (sau khi chia) là Tp. Cần Thơ và Cà Mau. Do đó, các tỉnh này có mức tăng trưởng như vậy là chính xác. Tuy nhiên, chính quyền tỉnh Hậu Giang và Bạc Liêu cần đưa ra các chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong tỉnh cho kịp với các tỉnh lân cận.

Bảng 3: GDP tại các tỉnh ĐBSCL chi theo ngành kinh tế (tính theo giá thực tế)

Năm	Khu vực I (Nông - lâm - thủy sản)		Khu vực II (Công nghiệp - xây dựng)		Khu vực III (Thương mại - dịch vụ)	
	Số lượng (tr. đ)	%/tổng số	Số lượng (tr. đ)	%/tổng số	Số lượng (tr. đ)	%/tổng số
2000	35,804,506	51.43	12,889,912	18.51	20,929,652	30.06
2001	39,510,496	51.06	14,962,544	19.34	22,905,288	29.60
2002	46,425,416	51.39	17,698,986	19.59	26,218,138	29.02
2003	50,258,930	48.99	21,733,941	21.19	30,587,074	29.82
2004	57,627,621	47.93	26,292,458	21.87	36,315,629	30.20
2005	66,624,917	46.96	31,399,187	22.13	43,848,343	30.91
2006	72,797,029	43.72	39,664,078	23.82	54,031,205	32.45
2007	87,987,137	42.77	50,054,569	24.33	67,680,195	32.90
2008	113,558,149	43.33	61,921,149	23.63	86,591,815	33.04
2009	128,220,783	41.84	75,335,926	24.58	102,924,763	33.58
2010	146,111,027	39.40	94,108,858	25.38	130,583,723	35.22

Nguồn: Tổng Cục Thống kê (2010) và tính toán của tác giả

Như đã nói trên, nhìn vào số lượng gia tăng GDP qua các năm chưa đủ mà cần phải xem xét thêm mức GDP bình quân đầu người để xem xét mức tăng trưởng kinh tế

góp phần gia tăng thu nhập, cải thiện mức sống của người dân cũng như giảm nghèo của các địa phương như thế nào.

Bảng 4: GDP/ đầu người tại các tỉnh ĐBSCL (tính theo giá thực tế)*ĐVT: Ngàn đồng/năm*

	Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Tp cần Thơ	6,741	8,105	10,535	13,418	17,207	20,550
2	Hậu Giang	3,782	4,406	5,306	6,093	7,140	8,231
3	Long An	7,054	8,350	10,634	14,530	16,566	19,932
4	Tiền Giang	10,110	11,596	14,483	19,764	23,633	27,972
5	Bến Tre	10,039	11,129	12,577	17,032	18,612	21,692
6	Đồng Tháp	9,762	11,864	15,300	20,071	23,193	27,210
7	Vĩnh Long	5,011	5,774	7,180	9,527	10,749	13,090
8	Trà Vinh	4,033	4,636	5,450	5,634	6,585	11,182
9	An Giang	16,230	18,385	23,222	29,242	33,203	37,950
10	Kiên Giang	20,565	23,663	28,555	41,815	49,155	57,849
11	Sóc trăng	7,362	8,462	10,777	12,131	15,835	20,696
12	Bạc Liêu	9,576	10,721	12,763	14,558	16,882	17,871
13	Cà mau	9,480	11,353	10,939	15,616	17,326	19,972

Nguồn: Tổng Cục Thống kê (2010) và tính toán của tác giả

Kết quả bảng 4 cho thấy, GDP/đầu người trong năm gần đây (2005 – 2010) có sự gia tăng đáng kể. Tp. Cần Thơ là một địa phương GDP tăng đứng đầu trong khu vực nên GDP/ đầu người ở đây cũng tăng nhanh hơn. Trong năm 2005, GDP bình quân đầu người mới chỉ đến mức 6,741,000 đồng/năm thì sau năm năm (đến năm 2010) thì mức GDP/ đầu người tăng lên đến mức 20,555,000 đồng/năm, tương đương mức tăng trên 3 lần. Mức tăng này là một con số rất ấn tượng. Mức GDP/ đầu người ở tỉnh Kiên Giang là cao nhất (tính vào năm 2010), đạt mức trên 50 triệu đồng/người/năm. Điều này chứng tỏ thu nhập của người dân ở đây là khá hơn các tỉnh khác, tuy nhiên khởi điểm của tỉnh Kiên Giang ban đầu đã cao hơn gấp đôi so với các tỉnh khác nên tốc độ tăng trưởng GDP/ đầu người hằng năm của tỉnh Kiên Giang là không cao bằng các tỉnh khác.

GDP/ đầu người/năm của các tỉnh như: Vĩnh Long, Hậu Giang và Trà Vinh là thấp hơn so với 10 tỉnh còn lại. Trong đó, tỉnh Hậu Giang là một tỉnh có GDP/ đầu người thấp nhất hiện nay (năm 2010). Mức thu nhập này cho thấy người dân ở đây còn khó khăn trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, các tỉnh phải gia tăng tốc độ tăng trưởng GDP và kiểm soát việc tăng dân số của địa phương nhằm nâng cao mức thu nhập của người dân từ đó cải thiện cuộc sống của họ. Mười tỉnh hiện có mức GDP/ đầu người cao thì tiếp tục phát huy còn 3 tỉnh Vĩnh Long, Hậu Giang và Trà Vinh cần phải gia tăng tốc độ tăng trưởng GDP nhiều hơn và kiểm soát gia tăng dân số địa phương sát sao hơn.

Bên cạnh đó, ta cần xem xét thêm một khía cạnh khác đó là GDP tính theo ngành nghề hay khu vực kinh tế để xem xét mức tăng trưởng GDP theo khu vực

kinh tế và qua đó đánh giá mức chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại các địa phương theo thời gian.

Trần Anh Phương (2009), chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là quá trình chuyển biến căn bản về phân công lao động xã hội theo lãnh thổ. Giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là quá trình phân công lao động xã hội, là quá trình chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH phải theo định hướng dẫn đến phát triển bền vững không chỉ vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà phải vì mục tiêu phát triển kinh tế mà bao trùm lên cả là vì mục tiêu phát triển bền vững.

Mục tiêu của cả nước là chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng kinh tế trong khu vực nông – lâm – thủy sản (khu vực 1) sang khu vực thương mại dịch vụ (khu vực 3) và công nghiệp – xây dựng (khu vực 2). Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các tỉnh ĐBSCL từ giai đoạn 2000 đến 2010 có sự chuyển biến khá tích cực. Vào cuối năm 2000 cơ cấu kinh tế khu vực này vẫn còn trên 50% là khu vực nông – lâm – thủy sản nhưng đến cuối năm 2010 tỷ trọng khu vực 1 giảm xuống dưới 40%. Trong 3 năm đầu tư năm 2000 đến cuối năm 2002 tỷ trọng các ngành kinh tế nông – lâm – thủy sản gần như không giảm. Sang đến giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2005 tỷ trọng kinh tế khu vực 1 giảm nhanh, trong vòng 3 năm giảm đến 5%. Điều này dẫn đến tình hình kinh tế trong khu vực có chiều hướng tăng trưởng tốt bởi vì giá trị gia tăng của sản phẩm luôn thuộc về các ngành kinh tế thuộc khu vực 2 và 3. Giai đoạn từ năm 2006 đến 2010 cơ cấu kinh tế khu vực vẫn tiếp tục chuyển đổi theo chiều hướng giảm dần ở khu vực 1 và tăng ở 2 khu vực

còn lại. Từ năm 2006 đến 2010 cơ cấu kinh tế khu vực nông – lâm – thủy sản giảm đều khoảng 2% mỗi năm. Khu vực kinh tế công nghiệp – xây dựng có tăng qua các năm và có mức tăng dần khoảng từ 1 – 2% mỗi năm. Trong khu vực 3 – khu vực thương mại dịch vụ chỉ tăng được khoảng 5% trong suốt giai đoạn từ 2000 đến 2010. Khu vực 3 có những năm không tăng so với năm trước cụ thể như từ năm 2001 – 2001 và hai năm 2006 – 2007. Điều này cho thấy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các tỉnh ĐBSCL có chiều hướng thay đổi nhưng chuyển dịch còn chậm. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực và cả nước. Do đó chính quyền địa phương trong khu vực cần tiến hành thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH nhanh và mạnh hơn.

Kết luận

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một chỉ tiêu nền tảng phản ánh tăng trưởng kinh tế, qui mô kinh tế, cơ cấu kinh tế, trình độ phát triển kinh tế và thu nhập bình quân đầu người của một quốc gia, một khu vực hay một địa phương theo thời gian. GDP là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng nhất mô tả qui mô kinh tế, mức tăng trưởng kinh tế; là mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế cũng như đề ra các chính sách kinh tế vĩ mô.

Việt Nam là một quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân cao hơn so với các nước trong khối ASEAN nhưng lại có dấu hiệu giảm trong những năm từ 2008 đến 2010 bởi sự tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu, sự suy giảm kinh tế toàn cầu cũng như mức độ lạm phát tăng cao lên đến mức 2 con số. Trong năm 2010, nền kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi thể hiện qua tốc độ tăng trưởng GDP tăng trở lại sau 2 năm suy giảm. GDP/đầu người của cả nước Việt Nam đều tăng qua các năm và tăng nhanh từ giai đoạn 2005 đến 2010. Chỉ tiêu này sẽ còn tiếp tục tăng

cao trong tương lai nếu GDP tăng nhanh hơn (phục hồi nhanh) và kiểm soát được tỷ lệ gia tăng dân số hằng năm.

Riêng 13 tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL có mức tăng trưởng GDP hằng năm rất cao và cao hơn mức bình quân cả nước. Điều này chứng tỏ khu vực ĐBSCL có khả năng phát triển kinh tế tốt trong tương lai. Mức GDP/ đầu người ở khu vực ĐBSCL cũng tăng khá nhanh nhờ vào tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm cao và thực hiện tốt việc tăng dân số. Thu nhập bình quân đầu người tăng tạo điều kiện tiền đề tốt cho việc cải thiện mức sống của người dân. Tuy nhiên, GDP tính theo khu vực kinh tế thì chưa hoàn toàn khả quan bởi vì cơ cấu kinh tế vẫn còn trọng điểm là khu vực nông – lâm – thủy sản do đặc thù của khu vực ĐBSCL nền tảng là nông nghiệp. Tuy nhiên, về lâu dài cần thực hiện chuyển dịch cơ cấu nhanh hơn nhằm thu lại giá trị gia tăng cho nền kinh tế nhiều hơn. Chính quyền địa phương thuộc các tỉnh ĐBSCL nên thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng CNH, HĐH nhanh hơn, kiểm soát tốt tốc độ tăng dân số, giảm tỷ lệ hộ nghèo ,... nhằm đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng ổn định, bền vững trong tương lai. Tuy nhiên, một vấn đề cần quan tâm khác đó là vấn đề môi trường, cần chú ý tránh tình trạng vì mục tiêu tăng trưởng mà bỏ qua hoặc làm môi trường ngày càng xấu hơn.

Tuy nhiên, GDP không phải là chỉ tiêu phản ánh tình hình tăng trưởng và phát triển kinh tế một cách toàn diện. Do đó, để xem xét mức tăng trưởng kinh tế cần dựa vào các chỉ số khác như: tổng sản phẩm

quốc dân (GNP), năng suất lao động tổng hợp (TFP), chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số ICOR (hệ số tiêu chuẩn phản ánh hiệu quả của vốn đầu tư bằng cách đo lường để biết muốn tạo thêm được một đồng sản phẩm thì cần đưa thêm vào sử dụng bao nhiêu đồng vốn),....

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Trường Giang, Phạm Sỹ An (2011), tài liệu hội thảo “Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 và định hướng tới năm 2020” do Ủy ban Kinh tế Quốc Hội tổ chức tại Hà Nội ngày 22 tháng 02 năm 2011.
2. Nguyễn Ngọc Sơn, Phí Thị Hồng Linh, Bùi Thị Thanh Huyền (2011), bản tin kinh tế xã hội tháng 06/2011-ĐH Kinh tế quốc dân
3. Nguyễn Trọng Hoài (2010), Kinh tế phát triển, NXB Lao động, trang 27-112
4. Niên giám thống kê năm 2010 - Tổng Cục thống kê Việt Nam
5. Solow, M.Rebert (1956), A Contribution to the Theory of Economic Growth, Quaterly Journal Economic, 70, pp 65-94.
6. Trần Anh Phương (2009), trích từ Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986), lần thứ IX (2001) và lần thứ X (2006), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1987, 2001 và 2006 tìm thấy bài này tại: <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com/2009/01/13/2217>